

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671010-8 - Xác suất thống kê
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Văn	Tuấn	3372040127	14/12/1991	,00			Nợ HP
2	Võ Đông Năm	B	3472020004	23/02/1992	5,00	5,50	5,40	
3	Ngô Duy	Bảo	3476040003	24/11/1991	3,50			
4	Nguyễn Quang	Duy	3476040009	27/06/1992	5,50	6,50	6,20	
5	Võ Trường	Giang	3476040012	26/12/1992	,00			Nợ HP
6	Lê Huy	Hoàng	3476040014	21/03/1992	7,00	6,30	6,50	
7	Phạm Ngọc	Khuê	3476040018	23/11/1992	2,50			
8	Vũ Tấn	Quang	3476040027	29/07/1992	7,00	6,00	6,30	
9	Nguyễn Chính	Thành	3476040034	10/05/1991	6,50	5,80	6,00	
10	Trần Xuân	Thành	3476040035	21/01/1991	4,00	6,80	6,00	
11	Đoàn Minh	Toàn	3476040042	05/10/1991	4,00	6,00	5,40	
12	Đặng Văn	Việt	3476040051	15/09/1991	5,00	5,80	5,60	
13	Võ Duy	Thái	3476040056	12/05/1992	,00			Nợ HP
14	Võ Trọng	Nhật	3477010087	27/12/1992	5,50	5,30	5,40	
15	Cao Minh	Tài	3477010116	09/09/1990	3,00			Nợ HP
16	Nguyễn Duy	Trọng	3477010151	12/01/1992	4,50	3,50	3,80	
17	Trần Anh	Vũ	3477010174	12/07/1991	3,00	2,00	2,30	
18	Huỳnh Thị Anh	Thư	3572020129	08/10/1993	,00			Nợ HP
19	Lê Văn	Chắt	3572020642	06/12/1993	6,50	7,80	7,40	
20	Nguyễn Hữu	Hơn	3572031434	23/12/1992	4,00			Nợ HP
21	Nguyễn Ngọc	Tươi	3572031537	17/06/1993	3,50			Nợ HP
22	Trần Thị	Bình	3572041664	26/05/1993	5,50	5,50	5,50	
23	Nguyễn Ngọc	Bảo	3572050087	03/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
24	Hà Thị Mộng	Nghi	3572050344	14/09/1993	4,50	3,00	3,50	
25	Võ Thái	Hoàng	3572050671	29/10/1993	6,50	5,50	5,80	
26	Hà Thế	Vĩ	3572051218	30/05/1993	5,00			Nợ HP
27	Phan Thị	Kiều	3572051333	01/01/1992	6,50	6,50	6,50	
28	Trần Viết	Hoàng	3572051378	02/10/1993	7,00	5,30	5,80	
29	Lâm Chí	Toàn	3572051542	22/12/1992	6,50	5,00	5,50	
30	Đào Thị Bảo	Yến	3671010290	10/01/1994	6,50	7,00	6,90	
31	Nguyễn Văn	Vinh	3671010335	26/10/1994	4,50	5,00	4,90	
32	Hoàng Anh	Tiến	3671010368	25/05/1994	6,50	2,50	3,70	
33	Nguyễn Văn	Năng	3671010453	25/02/1992	7,50	5,50	6,10	
34	Nguyễn Hoàng	Quang	3671010475	10/04/1994	6,50	7,50	7,20	
35	Võ Dương Việt	Trân	3671010487	10/05/1994	6,00	5,80	5,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đinh Thị Kiều	Viễn	3671010550	06/11/1994	5,50	,50	2,00	
37	Mai Quốc	Dũng	3671010581	19/07/1994	5,00	5,30	5,20	
38	Đỗ Ngọc Tiên	Nhi	3671010610	19/08/1994	7,00	3,50	4,60	
39	Nguyễn Minh	Mẫn	3671010639	31/03/1994	4,00	5,00	4,70	
40	Đặng Thị Thu	Yến	3671010709	08/04/1993	4,50	4,50	4,50	
41	Lê Phú	Lộc	3671010738	23/09/1994	3,00	,50	1,30	
42	Lê Thị	Phương	3671010750	10/10/1994	7,00	5,30	5,80	
43	Huỳnh Thị Kim	Lệ	3671010797	06/05/1994	2,50			
44	Vũ Minh	Nhật	3671010806	20/11/1994	5,00	6,00	5,70	
45	Ngô Thanh	Hùng	3671010820	27/09/1994	3,00	2,00	2,30	
46	Nguyễn Thế	Hoàng	3671010829	09/01/1994	3,50	,00	1,10	
47	Hoàng Trọng	Nghĩa	3671010855	22/02/1994	5,00	6,50	6,10	
48	Nguyễn Trường	Thanh	3671010865	22/12/1994	4,00	4,00	4,00	
49	Vương Tú	Phụng	3671010905	15/09/1994	4,50	3,50	3,80	
50	Nguyễn Văn	Vàng	3671010920	05/05/1994	4,50			
51	Bùi Thanh	Hưng	3671010944	21/04/1994	6,50	4,80	5,30	
52	Lê Thị Lệ	Trinh	3671010945	16/09/1994	6,50	4,30	5,00	
53	Trần Thị Kim	Ngân	3671010969	15/09/1994	3,50	,50	1,40	
54	Nguyễn Thị	Phượng	3671011009	07/07/1994	4,00	3,00	3,30	
55	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3671011048	16/04/1994	6,50	6,50	6,50	
56	Phạm Thị Thanh	Hoa	3671011070	22/12/1994	7,50	4,00	5,10	
57	Nguyễn Thế	Đại	3671011077	30/05/1994	2,00	3,50	3,10	
58	Nguyễn Ngọc	Trung	3671011094	25/12/1994	4,50	2,00	2,80	
59	Huỳnh Bửu	Nghi	3671011116	08/01/1994	6,00	7,00	6,70	
60	Bùi Tiến	Thịnh	3671011156	09/10/1994	5,00	4,00	4,30	
61	Mai Ngọc	Sỹ	3671011294	20/11/1993	3,00	,50	1,30	
62	Trần Văn	Thắng	3671011483	01/05/1994	6,50	4,30	5,00	
63	Trần Đăng	Khoa	3671011655	17/06/1994	7,50	5,30	6,00	
64	Văn Hoàng	Đạt	3671011833	09/02/1994	5,00	3,00	3,60	
65	Phạm Văn	Thôi	3671011862	25/12/1993	6,50	6,50	6,50	
66	Trần Thị Linh	Chi	3671011977	12/10/1993	4,00			
67	Nguyễn Quốc	Việt	3672010687	01/04/1994	5,50	2,00	3,10	
68	Nguyễn Văn	Giàu	3672010824	26/06/1994	7,00	5,50	6,00	
69	Nguyễn Thị	Cầm	3672011005	19/03/1993	5,00	5,50	5,40	
70	Nguyễn Tấn	Quang	3672011542	20/12/1993	6,00	6,30	6,20	
71	Dương Trường	Giang	3673020377	02/05/1994	,00			Nợ HP
72	Đặng Thị Thu	Thương	3673021127	25/04/1994	6,50	5,00	5,50	

Học phần : 0671010-8 - Xác suất thống kê
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)